

Số: 72/2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2021

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu

và hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 328/2016/TT-BTC)

1. Bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 1 như sau:

“đ) Các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán”.

2. Sửa đổi khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. Kho bạc Nhà nước (sau đây viết tắt là KBNN) cấp tỉnh: là KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; KBNN cấp huyện là KBNN quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Các khoản thu ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN) phải được nộp trực tiếp vào KBNN hoặc vào tài khoản của KBNN tại ngân hàng, trừ trường hợp cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu được trực tiếp thu NSNN theo quy định của pháp luật. Cơ quan thu, tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu NSNN có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu NSNN vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.

Các khoản viện trợ bằng tiền thuộc nguồn thu NSNN được quản lý theo các điều ước, thỏa thuận quốc tế và các quy định của pháp luật về quản lý nguồn vốn viện trợ không hoàn lại”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 Điều 4 như sau:

“b) Trường hợp KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện đã ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt, song người nộp NSNN vẫn đến KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện để nộp NSNN thì KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện vẫn phải thực hiện thu tiền mặt từ người nộp NSNN, trừ các đơn vị, tổ chức kinh tế có tài khoản tại ngân hàng thương mại (sau đây viết tắt là NHTM) theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN.

c) Trường hợp KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện thay đổi NHTM nơi mở tài khoản hoặc thành lập đơn vị KBNN mới (do chia tách, sáp nhập địa bàn), thì KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện phải thực hiện phối hợp thu NSNN với NHTM nơi mới mở tài khoản”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thu bằng chuyển khoản:

a) Thu bằng chuyển khoản từ tài khoản của người nộp NSNN tại NHTM, NHTM thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN chuyển vào tài khoản của KBNN để ghi thu NSNN.

b) Thu bằng chuyển khoản từ tài khoản của người nộp NSNN tại KBNN, KBNN thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN để ghi thu NSNN.

c) Thu bằng phương thức điện tử, bao gồm:

- Qua dịch vụ nộp thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế (cơ quan Thuế hoặc cơ quan Hải quan);

- Qua dịch vụ thanh toán điện tử của NHTM như ATM, Internetbanking, Mobile banking, POS hoặc các hình thức thanh toán điện tử khác của NHTM;

- Qua các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

- Qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Thu bằng tiền mặt qua cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu. Cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu có trách nhiệm thu tiền mặt từ người nộp NSNN (trừ các đơn vị, tổ chức kinh tế có tài khoản tại NHTM theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN), sau đó nộp toàn bộ số tiền đã thu được vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chứng từ nộp NSNN được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 3 và khoản 10 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2020/NĐ-CP). Việc sử dụng chứng từ nộp NSNN theo từng phương thức thu, nộp NSNN được quy định cụ thể như sau:

a) Bảng kê nộp thuế (mẫu số 01 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP): Là chứng từ do người nộp NSNN lập, sử dụng trong trường hợp nộp NSNN bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đối với các khoản nộp NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý và một số khoản nộp NSNN khác tại KBNN hoặc ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản (ngân hàng ủy nhiệm thu) hoặc ngân hàng đã kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế (ngân hàng phối hợp thu).

Trường hợp đã có quyết định/thông báo của cơ quan quản lý thuế gửi đến, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu căn cứ vào quyết định/thông báo của cơ quan quản lý thuế để làm thủ tục thu tiền từ người nộp NSNN, người nộp NSNN không phải lập Bảng kê nộp thuế.

b) Giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu số 02 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) sử dụng trong những trường hợp sau:

Trường hợp người nộp NSNN lập để nộp NSNN đối với các khoản nộp NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

Trường hợp KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu lập và cấp cho người nộp NSNN khi người nộp NSNN nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu để xác nhận số tiền đã nộp NSNN đối với các khoản nộp do cơ quan quản lý thuế quản lý.

Trường hợp KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu lập để hạch toán thu NSNN trong trường hợp thu tiền phạt, lệ phí và phạt vi phạm hành chính không do cơ quan quản lý thuế quản lý.

c) Biên lai thu phạt vi phạm hành chính không in sẵn mệnh giá (mẫu số 03a1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu NSNN (sau đây gọi chung là cơ quan thu) lập và sử dụng để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp cơ quan thu thực hiện thu tiền mặt từ người nộp phạt vi phạm hành chính đối với các khoản phạt vi phạm hành chính với mức thu không cố định trong từng lần.

d) Biên lai thu phạt vi phạm hành chính in sẵn mệnh giá (mẫu số 03a2 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do cơ quan thu lập và sử dụng để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp cơ quan thu thực hiện thu tiền mặt từ người nộp phạt vi phạm hành chính đối với các khoản phạt vi phạm hành chính với mức thu cố định trong từng lần.

đ) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá (mẫu số 03b1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do cơ quan thu lập và sử dụng để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp cơ quan thu thực hiện thu tiền mặt từ người nộp thuế, phí, lệ phí với mức thu không cố định trong từng lần.

e) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá (mẫu số 03b2 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do cơ quan thu lập và sử dụng để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp cơ quan thu thực hiện thu tiền mặt từ người nộp thuế, phí, lệ phí với mức thu cố định trong từng lần.

g) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính (mẫu số 03c phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) sử dụng trong trường hợp KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu lập và cấp cho người nộp phí, lệ phí và phạt vi phạm hành chính để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp người nộp nộp bằng tiền mặt tại KBNN và ngân hàng ủy nhiệm thu.

h) Các chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của đơn vị tại KBNN (mẫu số 16a2, 16a4, 16b1, 16b2 và 16c3 phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-

CP) là chứng từ do người nộp NSNN lập và sử dụng trong trường hợp người nộp NSNN lập để trích tiền từ tài khoản của đơn vị mở tại KBNN để nộp NSNN hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

i) Chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là chứng từ do người nộp NSNN lập và sử dụng trong trường hợp người nộp NSNN nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại ngân hàng chưa kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế hoặc tại ngân hàng phối hợp thu (trừ quy định tại điểm a, b và điểm g khoản này) hoặc bằng phương thức điện tử (trừ quy định tại điểm b khoản này).

Chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải đảm bảo đầy đủ các thông tin trên Giấy nộp tiền vào NSNN (trường hợp khoản nộp NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý) hoặc trên Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính (trường hợp khoản nộp NSNN không do cơ quan quản lý thuế quản lý).

k) Chứng từ chứng nhận nộp NSNN của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích là chứng từ sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cơ quan thu ủy nhiệm thu NSNN đối với các khoản thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính. Chứng từ chứng nhận nộp NSNN của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phải đảm bảo đầy đủ các thông tin trên Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính.

Ngoài các chứng từ nộp NSNN quy định từ điểm a đến điểm k khoản này, trường hợp thực hiện cưỡng chế thu NSNN theo chế độ quy định, cơ quan thu lập Lệnh thu NSNN (mẫu số C1-01/NS ban hành kèm theo Thông tư này) yêu cầu KBNN, ngân hàng nơi người nộp NSNN mở tài khoản thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN để nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN và Luật Quản lý thuế.

Việc thực hiện chứng từ điện tử nộp NSNN được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và các văn bản hướng dẫn”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc sử dụng con dấu đóng trên Giấy nộp tiền vào NSNN đối với trường hợp nộp NSNN tại các đơn vị KBNN được quy định như sau:

a) Trường hợp nộp NSNN trực tiếp tại Sở Giao dịch KBNN: Đóng dấu “Sở Giao dịch KBNN”.

b) Trường hợp nộp NSNN trực tiếp tại trụ sở KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện: Đóng dấu “Kế toán”.

7. Điều 7 được sửa đổi như sau:

“Điều 7. Thu ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam